

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình: Xây mới và cải tạo công trình cấp nước và vệ sinh trường học - Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” năm 2021

GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ủy quyền, giao nhiệm vụ trong quản lý các dự án sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước ngoài đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán vốn đầu tư phát triển Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” vốn vay WB tỉnh Gia Lai năm 2021;

Căn cứ Kế hoạch số 750/KH-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc triển khai thực hiện Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” vốn vay Ngân hàng thế giới trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2021;

Theo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật số 74/TĐ-SXD ngày 27/7/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai về việc thông báo kết quả thẩm định hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xây mới và cải tạo công trình cấp nước và vệ sinh trường học - Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” năm 2021;

Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1660/TTr-SGDĐT ngày 30/7/2021 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình: Xây mới và cải tạo công trình cấp nước và vệ sinh trường học - Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình: Xây mới và cải tạo công trình cấp nước và vệ sinh trường học -

Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” năm 2021 với nội dung như sau:

I. Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

1. Tên công trình: Xây mới và cải tạo công trình cấp nước và vệ sinh trường học - Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” năm 2021.

2. Chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai.

3. Tổ chức tư vấn lập BCKTKT: Công ty TNHH Đầu tư và xây dựng An Lộc Tiến.

4. Địa điểm xây dựng: Các huyện: Chư Prông, Kbang, Ia Grai, Đức Cơ, Đak Pơ, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

5. Quy mô đầu tư xây dựng:

5.1. Trường Tiểu học Trưng Vương, xã Bình Giáo, huyện Chư Prông.

5.1.1. Nhà vệ sinh học sinh (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình IV, 01 tầng. DTXD: 35m². Chiều cao nền: 0,3m; cao độ đỉnh mái: +3,85m.

- Quy cách xây dựng: Móng xây đá hộc VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường trong ốp gạch men 300x600mm: tường trong cao 1,8m, tường ngoài cao 1,2m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C50x100x2,0mm a=1000mm; trần tôn mạ màu 2,5zem, đà trần thép hộp 30x60x1,0mm a=700mm; hệ cửa khung nhôm kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.1.2. Sân bê tông: 109m². Bê tông đá 10x20mm VXM mác 200 dày 100mm (đảm chắc nền sân trước khi đổ bê tông). Bó via xây gạch không nung VXM mác 75, trát VXM mác 75.

5.2. Trường Trung học cơ sở Nguyễn Đình Chiểu, xã Bình Giáo, huyện Chư Prông.

5.2.1. Nhà vệ sinh giáo viên (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình cấp IV, 01 tầng, DTXD: 19m². Chiều cao nền: 0,3m; cao độ đỉnh mái: +4,4m

- Quy cách xây dựng: Móng xây đá hộc VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường trong ốp gạch men 300x600mm cao 1,8m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C 50x100x2,0mm a=900mm; trần tôn mạ màu 2,5zem, đà trần thép hộp 30x60x1,0mm a=750mm; hệ cửa khung nhôm kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.2.2. Nhà vệ sinh học sinh (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình cấp IV, 01 tầng. DTXD: 28,4m². Chiều cao nền: 0,3m; cao độ đỉnh mái: +3,85m.

- Quy cách xây dựng: Móng xây đá hộc VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường trong ốp gạch men 300x600mm cao 1,8m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C 50x100x2,0mm; trần tôn mạ màu 2,5zem, đà trần thép hộp 30x60x1,0mm; hệ cửa khung nhôm kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.3. Trường Trung học cơ sở Phan Chu Trinh, xã Ia Drăng, huyện Chư Prông.

5.3.1. Nhà vệ sinh học sinh (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình cấp IV, 01 tầng. DTXD: 56,5m². Chiều cao nền: 0,3m; cao độ đỉnh mái: +4,0m.

- Quy cách xây dựng: Móng xây đá hộc VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường trong ốp gạch men 300x600mm cao 1,8m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C 50x100x2,0mm; trần tôn mạ màu 2,5zem, đà trần thép hộp 30x60x1,0mm; hệ cửa khung nhôm kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.3.2. Giếng khoan (xây mới): Sâu 100m. Kết cấu lỗ khoan đường kính D140mm, sử dụng máy bơm chìm.

5.3.3. Đai nước (xây mới): DTXD: 6m². Chiều cao đai nước: 6m. Kết cấu móng BTCT đá 10x20mm VXM mác 200; lót móng đá 40x60mm VXM mác 50; thân đai nước bằng thép hình; bể nước inox 3m³; hoàn thiện sơn sắt thép 03 nước.

5.3.4. Sân bê tông: 74,8m². Bê tông đá 10x20mm VXM mác 200 dày 100mm (đảm chắc nền sân trước khi đổ bê tông). Bó vỉa xây gạch không nung VXM mác 75, trát VXM mác 75 và quét nước xi măng.

5.4. Trường Trung học cơ sở Đinh Tiên Hoàng, xã Ia Drăng, huyện Chư Prông.

5.4.1. Nhà vệ sinh học sinh (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình IV, 01 tầng. DTXD: 35m². Chiều cao nền: 0,3m; cao độ đỉnh mái: +3,85m.

- Quy cách xây dựng: Móng xây đá hộc VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường ốp gạch men 300x600mm: tường trong cao 1,8m, tường ngoài cao 1,2m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C 50x100x2,0mm; trần tôn mạ màu 2,5zem, đà trần thép hộp 30x60x1,0mm a=700mm; hệ cửa khung nhôm

kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.5. Trường Mẫu giáo Đắk Hlơ, xã Đắk Hlơ, huyện Kbang.

5.5.1. Khu vệ sinh nhà học 2 phòng số 01 (cải tạo):

- Quy mô cải tạo (giữ nguyên quy mô hiện trạng công trình): Công trình cấp IV, 01 tầng.

- Quy cách cải tạo: Tháo dỡ toàn bộ tường ngăn khu vệ sinh, bể nước, gạch lát nền, gạch ốp tường, toàn bộ cửa đi, thiết bị vệ sinh; Cạo bỏ lớp sơn cũ tường, lam gió sơn lại sơn mới 3 nước toàn bộ nhà vệ sinh; Lát mới gạch nền chống trượt 300x300mm; ốp tường gạch trong nhà 300x600mm cao 1,8m; thay mới vách ngăn + cửa vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; thay mới cửa đi Đ2 (02 bộ), Đ3 (02 bộ) bằng cửa nhôm kính mờ dày 5ly; Thay mới 04 đèn Led ốp trần 30W; Thay mới thiết bị vệ sinh, thay mới đường ống cấp - thoát nước (đầu nối vào hệ thống cấp - thoát nước hiện trạng).

5.5.2. Khu vệ sinh nhà học 2 phòng số 02 (cải tạo):

- Quy mô cải tạo (giữ nguyên quy mô hiện trạng công trình): Công trình cấp IV, 01 tầng.

- Quy cách cải tạo: Tháo dỡ thiết bị vệ sinh cũ, tháo dỡ bể nước, tháo dỡ tường ngăn, tháo dỡ gạch ốp lát cũ và trần hiện trạng; Xây mới vách ngăn gạch rỗng không nung VXM mác 75; Lát lại nền gạch chống trượt 300x300mm, ốp tường trong gạch 300x600mm cao 1,8m; Sơn lại tường trong nhà khu vệ sinh; tháo dỡ hệ cửa sắt, thay bằng cửa khung nhôm kính mờ 5ly; thay toàn bộ vách ngăn bằng vách compact dày 12mm; đóng trần thạch cao chống ẩm khung nổi; Thay mới 04 đèn Led ốp trần 20W; thay thiết bị vệ sinh; thay mới đường ống cấp - thoát nước (đầu nối vào hệ thống cấp - thoát nước hiện trạng).

5.5.3. Nhà học 1 phòng (cải tạo):

- Quy mô cải tạo (giữ nguyên quy mô hiện trạng công trình): Công trình cấp IV, 01 tầng.

- Quy cách cải tạo: Tháo dỡ thiết bị vệ sinh cũ, tháo dỡ bể nước, tháo dỡ tường ngăn, tháo dỡ gạch ốp lát cũ; lát lại nền gạch chống trượt 300x300mm, ốp gạch 300x600mm cao 1,8m; sơn lại tường trong nhà khu vệ sinh; tháo dỡ hệ cửa sắt, thay bằng cửa khung nhôm kính mờ 5ly; thay toàn bộ vách ngăn bằng vách compact dày 12mm; Thay mới 02 đèn Led ốp trần 20w; Thay mới thiết bị vệ sinh; Hệ thống cấp nước đầu nối với hệ thống cấp hiện trạng, hệ thống thoát nước làm mới 01 bể tự hoại và 01 giếng thăm sâu 06m.

5.5.4. Khu vệ sinh nhà hiệu bộ (cải tạo): Xây dựng 01 bể tự hoại và 01 giếng thăm sâu 06m.

5.6. Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đắk Hlơ, xã Đắk Hlơ, huyện Kbang.

5.6.1. Nhà vệ sinh giáo viên (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình IV, 01 tầng. DTXD: 27m². Chiều cao nền: 0,3m; cao độ đỉnh mái: +4,65m.

- Quy cách xây dựng: Móng xây đá chẻ VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường ốp gạch men 300x600mm cao 1,8m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C50x100x2,0mm; trần tôn mạ màu 3zem, đà trần thép hộp 30x60x1,0mm; hệ cửa khung nhôm kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.6.2. Nhà vệ sinh học sinh (cải tạo).

- Quy mô cải tạo (giữ nguyên quy mô hiện trạng công trình): Công trình cấp IV, 01 tầng. DTXD: 27m². Chiều cao nền: 0,3m; cao độ đỉnh mái: +4,65m.

- Quy cách cải tạo: Cạo bỏ lớp sơn tường cũ, lam gió sơn lại 3 nước; tháo dỡ và thay mới toàn bộ cửa đi khung nhôm kính mờ 5ly; lát mới gạch nền chống trượt 300x300mm; thay mới thiết bị vệ sinh; thay trần nhựa bằng trần tol mạ màu 3zem; vệ sinh sơn lại cửa sổ sắt; làm lại hệ thống điện, cấp + thoát nước.

5.6.3. Đài nước (xây mới): DTXD: 6m². Chiều cao đài nước: 6m. Kết cấu móng BTCT đá 10x20mm VXM mác 200; lót móng đá 40x60mm VXM mác 50; thân đài nước bằng thép hình; bể nước inox 3m³; hoàn thiện sơn 03 nước.

5.7. Trường Tiểu học Kim Đồng, xã Xuân An, thị xã An Khê

5.7.1. Nhà vệ sinh Giáo Viên (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình IV, 01 tầng. DTXD: 27m². Chiều cao nền: 0,3m; cao độ đỉnh mái: +4,65m.

- Quy cách xây dựng: Móng xây đá chẻ VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường ốp gạch men 300x600mm cao 1,8m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C50x100x2,0mm; trần tôn mạ màu 3zem, đà trần thép hộp 30x60x1,0mm; hệ cửa khung nhôm kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.7.2. Đài nước (xây mới): DTXD: 6m². Chiều cao đài nước: 6m. Kết cấu móng BTCT đá 10x20mm VXM mác 200; lót móng đá 40x60mm VXM mác 50; thân đài nước bằng thép hình; bể nước inox 3m³; hoàn thiện sơn 03 nước.

5.7.3. Giếng đào 25m: Đáy giếng lót lớp 40x60mm, thành giếng xây gạch không nung VXM mác 75; buy giếng bê tông cốt đá 10x20mm mác 200 thép đúc sẵn. Hoàn thiện trát VXM mác 75 dày 15 và láng nền giếng VXM mác 75. Sử dụng máy bơm chìm.

5.7.4. Sân bê tông: 20,3m². Bê tông đá 10x20mm VXM mác 200 dày 60mm; lót bê tông đá 40x60mm VXM mác 50 dày 100mm. Bó vỉa xây bằng gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75.

5.8. Trường Trung học cơ sở Nguyễn Du, xã Xuân An, thị xã An Khê

5.8.1. Nhà vệ sinh Giáo Viên (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình IV, 01 tầng. DTXD: 27m². Chiều cao nền: 0,3m; cao độ đỉnh mái: +4,65m.

- Quy cách xây dựng: Móng xây đá chẻ VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường ốp gạch men 300x600mm cao 1,8m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C50x100x2,0mm; trần tôn mạ màu 3zem, đà trần thép hộp 30x60x1,0mm; hệ cửa khung nhôm kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.8.2. Sân bê tông (xây mới): DTXD: 45m². Bê tông đá 10x20mm VXM mác 200 dày 100mm; lót bê tông đá 40x60mm VXM mác 50 dày 100mm. Bó via xây bằng gạch rỗng VXM mác 75, trát VXM mác 75.

5.9. Trường Mẫu giáo 30/4, xã Ia Der, huyện Ia Grai.

5.9.1. Nhà vệ sinh học sinh (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình cấp IV, 01 tầng. DTXD: 47m². Chiều cao nền: 0,05m :- 0,8m; cao độ đỉnh mái: +3,2m.

- Quy cách xây dựng: Móng xây đá chẻ VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường trong ốp gạch men 300x600mm cao 1,8m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C50x100x2,0mm; trần tôn mạ màu 3zem, đà trần thép hộp 30x60x1,0mm; hệ cửa khung nhôm kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.9.2. Đài nước (xây mới): DTXD: 6m². Chiều cao đài nước: 6m. Kết cấu móng BTCT đá 10x20mm VXM mác 200; lót móng đá 40x60mm VXM mác 50; thân đài nước bằng thép hình; bể nước inox 3m³; hoàn thiện sơn 03 nước.

5.10. Trường Tiểu học Ngô Mây, xã Ia Der, huyện Ia Grai.

5.10.1. Nhà vệ sinh học sinh (cải tạo).

- Quy mô cải tạo (giữ nguyên quy mô hiện trạng công trình): Công trình cấp IV, 01 tầng. DTXD: 58m². Chiều cao nền: 0,3m; cao độ đỉnh mái: +3,15m.

- Quy cách cải tạo: Tháo dỡ toàn bộ tường ngăn khu vệ sinh, bể nước, gạch lát nền, gạch ốp tường, toàn bộ cửa đi, thiết bị vệ sinh, trần tôn (giữ lại đà trần); Cạo bỏ lớp sơn cũ tường, lam gió sơn lại sơn mới 3 nước toàn bộ nhà vệ sinh; cạo bỏ sơn cũ xà gồ, mái kèo sơn 1 lớp lót, 2 lớp phủ, thay mới 2 tấm tôn sáng nhựa; lát mới gạch nền chống trượt 300x300mm; ốp tường gạch 300x600mm: ngoài nhà cao 1,8m, ngoài nhà cao 1,2m; thay mới vách ngăn vệ sinh bằng tấm compact; thay mới cửa đi bằng cửa nhôm kính mờ dày 5ly; thay mới thiết bị vệ sinh, hệ thống điện, thay mới hệ thống cấp - thoát nước.

5.10.2. Đài nước (xây mới): DTXD: 6,2m². Chiều cao đài nước: 6m. Kết cấu móng BTCT đá 10x20mm VXM mác 200; lót móng đá 40x60mm VXM mác 50; thân đài nước bằng thép hình; bể nước inox 3m³; hoàn thiện sơn 03 nước.

5.11. Trường Tiểu học Lý Tự Trọng, xã Ia Der, huyện Ia Grai.

5.11.1. Nhà vệ sinh học sinh (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình cấp IV, 01 tầng. DTXD: 46m². Chiều cao nền: 0,3m; cao độ đỉnh mái: +3,8m.

- Quy cách xây dựng: Móng xây đá chẻ VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường trong ốp gạch men 300x600mm cao 1,8m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C50x100x2,0mm; trần tôn mạ màu 3zem, đà trần thép hộp 30x60x1,0mm; hệ cửa khung nhôm kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.11.2. Sân bê tông (xây mới): DTXD: 71m². Bê tông đá 10x20mm VXM mác 200 dày 100mm; lót bê tông đá 40x60mm VXM mác 50 dày 100mm. Bó vỉa xây bằng gạch rỗng VXM mác 75, trát VXM mác 75.

5.12. Trường Trung học cơ sở Trần Phú, xã Ia Der, huyện Ia Grai.

5.12.1. Nhà vệ sinh học sinh (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình cấp IV, 01 tầng. DTXD: 29m². Chiều cao nền: 0,3m; cao độ đỉnh mái: +3,85m.

- Quy cách xây dựng: Móng xây đá chẻ VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường trong ốp gạch men 300x600mm cao 1,8m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C50x100x2,0mm; trần tôn mạ màu 3zem, đà trần thép hộp 30x60x1,0mm; hệ cửa khung nhôm kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.12.2. Nhà vệ sinh giáo viên (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình cấp IV, 01 tầng, DTXD: 19m². Chiều cao nền: 0,3m; cao độ đỉnh mái: +4,4m

- Quy cách xây dựng: Móng xây đá chẻ VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường trong ốp gạch men 300x600mm cao 1,8m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C50x100x2,0mm; trần tôn mạ màu 3zem, đà trần thép hộp 30x60x1,0mm; hệ cửa khung nhôm kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.13. Trường Tiểu học Trần Quốc Toản, xã Ia Yok, huyện Ia Grai.

5.13.1. Nhà vệ sinh học sinh (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình cấp IV, 01 tầng. DTXD: 43,8m². Chiều cao nền: 0,3m; cao độ đỉnh mái: +3,8m.

- Quy cách xây dựng: Móng xây đá chẻ VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường trong, ngoài ốp gạch men 300x600mm cao 1,8m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C50x100x2,0mm; trần tôn mạ màu 3zem, đà trần thép hộp 30x60x1,0mm; hệ cửa khung nhôm kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.13.2. Cải tạo Phòng vệ sinh giáo viên trong Nhà hiệu bộ: Tháo dỡ và thay mới gạch ốp tường trục 1 và trục 2 bằng gạch men 300x600mm cao 1,8m; vệ sinh gạch ốp tường hiện trạng còn lại; sơn lại trần, tường phòng vệ sinh; tháo dỡ và thay thế toàn bộ thiết bị vệ sinh; làm mới vách ngăn compact.

5.13.3. Sân bê tông (xây mới): DTXD: 35m². Bê tông đá 10x20mm VXM mác 200 dày 60mm; lót bê tông đá 40x60mm VXM mác 50 dày 100mm. Bó vỉa xây bằng gạch rỗng VXM mác 75.

5.13.4. Đòi nước (xây mới): DTXD: 6m². Chiều cao đòi nước: 6m. Kết cấu móng BTCT đá 10x20mm VXM mác 200; lót móng đá 40x60mm VXM mác 50; thân đòi nước bằng thép hình; bể nước inox 3m³; hoàn thiện sơn 03 nước.

5.14. Trường Mẫu giáo 10/3, xã Ia Khai, huyện Ia Grai.

5.14.1. Nhà vệ sinh học sinh (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình cấp IV, 01 tầng. DTXD: 41m². Chiều cao nền: 0,25m; cao độ đỉnh mái: +3,8m.

- Quy cách xây dựng: Móng xây đá học VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường ốp gạch men 300x600mm: tường trong cao 1,8m, tường ngoài ốp cao 1,2m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C50x100x2,0mm; trần tôn mạ màu 3zem, đà trần thép hộp 40x80x1,4mm; hệ cửa khung nhôm kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.14.2. Nhà vệ sinh giáo viên (cải tạo).

- Quy mô cải tạo (giữ nguyên quy mô hiện trạng công trình): Công trình cấp IV, 01 tầng. DTXD: 16m². Chiều cao nền: 0,2m; cao độ đỉnh mái: +3,8m.

- Quy cách cải tạo: Tháo dỡ gạch lát nền cũ, thay bằng gạch ceramic 300x300mm; tháo dỡ và ốp lại tường bằng gạch men 300x600mm cao 1,8m; cạo bỏ và sơn lại tường 3 nước; tháo dỡ và lợp lại mái tôn dày 4zem; sơn lại cửa, xà gồ; thay và lắp mới các thiết bị vệ sinh, thiết bị điện.

5.15. Trường Tiểu học Lê Quý Đôn, xã Ia Krai, huyện Ia Grai.

3.15.1. Nhà vệ sinh học sinh (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình cấp IV, 01 tầng. DTXD: 36,7m². Chiều cao nền: 0,3m; cao độ đỉnh mái: +3,8m.

- Quy cách xây dựng: Móng xây đá chẻ VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường ốp gạch men 300x600mm: tường trong cao 1,8m, tường ngoài ốp cao 1,2m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C50x100x2,0mm; trần tôn mạ màu 3zem, đà trần thép hộp 30x60x1,0mm; hệ cửa khung nhôm kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.15.2. Sân bê tông (xây mới): DTXD: 31,2m². Bê tông đá 10x20mm VXM mác 200 dày 60mm; lót bê tông đá 40x60mm VXM mác 50 dày 100mm. Bó vỉa xây bằng gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75, trát VXM mác 75.

5.16. Trường Mầm non Tuổi Thơ, xã Ia Din, huyện Đức Cơ.

5.16.1. Nhà vệ sinh học sinh (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình cấp IV, 01 tầng. DTXD: 45,4m². Chiều cao nền: 0,25m; cao độ đỉnh mái: +3,8m.

- Quy Cách xây dựng: Móng xây đá chẻ VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường ốp gạch men 300x600mm: tường trong cao 1,8m, tường ngoài ốp cao 1,2m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C50x100x2,0mm; trần tôn mạ màu 3zem, đà trần thép hộp 30x60x1,0mm; hệ cửa khung nhôm kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.16.2. Sân bê tông (xây mới): DTXD: 48,8m². Bê tông đá 10x20mm VXM mác 200 dày 100mm; lót bê tông đá 40x60mm VXM mác 50 dày 100mm. Bó vỉa xây bằng gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75, trát VXM mác 75.

5.17. Trường Tiểu học Hùng Vương, xã Ia Din, huyện Đức Cơ.

5.17.1. Nhà vệ sinh học sinh (cải tạo).

- Quy mô cải tạo (giữ nguyên quy mô hiện trạng công trình): Công trình cấp IV, 01 tầng. DTXD: 18,0m². Chiều cao nền: 0,2m; cao độ đỉnh mái: +3,8m.

- Quy cách cải tạo: Vệ sinh tường xây, sơn lại; tháo dỡ gạch nền cũ, lát lại bằng gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tháo dỡ gạch ốp tường cũ, ốp lại gạch 300x600mm cao 1,2m; thay hệ thống cửa bằng cửa nhôm kính 5ly; thay mới đà trần thép hộp 30x60x1,0mm, đóng trần tôn lạnh mạ màu 3zem; làm lại hệ thống điện.

5.17.2. Sân bê tông (cải tạo): DTXD: 24,42m². Bê tông đá 10x20mm VXM mác 200 dày 100mm.

5.18. Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân, xã Ia Din, huyện Đức Cơ.

5.18.1. Nhà vệ sinh giáo viên (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình IV, 01 tầng. DTXD: 27m². Chiều cao nền: 0,3m; cao độ đỉnh mái: +4,65m.

- Quy cách xây dựng: Móng xây đá chẻ VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường ốp gạch men 300x600mm cao 1,8m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C50x100x2,0mm; trần tôn mạ màu 3zem, đà trần thép hộp 30x60x1,0mm; hệ cửa khung nhôm kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.18.2. Sân bê tông (xây mới): DTXD: 20,0m². Bê tông đá 10x20mm VXM mác 200 dày 100mm; lót bê tông đá 40x60mm VXM mác 50 dày 100mm. Bó vỉa xây bằng gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75.

5.19. Trường Trung học cơ sở Nguyễn Huệ, xã Ia Din, huyện Đức Cơ

5.19.1. Nhà vệ sinh học sinh (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình cấp IV, 01 tầng. DTXD: 47m². Chiều cao nền: 0,3m; cao độ đỉnh mái: +3,8m.

- Quy Cách xây dựng: Móng xây đá chẻ VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường ốp gạch men 300x600mm: tường trong cao 1,8m, tường ngoài ốp cao 1,2m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C50x100x2,0mm; trần tôn mạ màu 3zem, đà trần thép hộp 30x60x1,0mm; hệ cửa khung nhôm kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.19.2. Sân bê tông (xây mới): DTXD: 24,5m². Bê tông đá 10x20mm VXM mác 200 dày 60mm; lót bê tông đá 40x60mm VXM mác 50 dày 50mm. Bó vỉa xây bằng gạch rỗng VXM mác 75, trát VXM mác 75.

5.20. Trường Trung học cơ sở Chu Văn An, xã Tân An, huyện Đak Pơ

5.20.1. Nhà vệ sinh học sinh (xây mới).

- Quy mô xây dựng: Công trình cấp IV, 01 tầng. DTXD: 30,4m². Chiều cao nền: 0,3m; cao độ đỉnh mái: +3,8m.

- Quy cách xây dựng: Móng xây đá chẻ VXM mác 75, móng bó xây gạch không nung 6 lỗ VXM mác 75; các cấu kiện bê tông cốt thép đá 10x20mm VXM mác 200; tường xây gạch không nung VXM mác 75; nền lát gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tường ốp gạch men 300x600mm: tường trong cao 1,8m, tường ngoài ốp cao 1,2m; mái lợp tôn mạ màu dày 4zem; xà gồ thép C50x100x2,0mm; trần tôn mạ màu 3zem, đà trần thép hộp 30x60x1,0mm; hệ cửa khung nhôm kính mờ 5ly; vách ngăn các phòng vệ sinh bằng tấm compact dày 12mm; hoàn thiện trát VXM mác 75, sơn 03 nước.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống cấp điện, cấp - thoát nước.

5.20.2. Nhà vệ sinh học sinh (cải tạo).

- Quy mô cải tạo (giữ nguyên quy mô hiện trạng công trình): Công trình cấp IV, 01 tầng.

- Quy cách cải tạo: Vệ sinh tường xây sơn lại 01 nước lót 02 nước phủ; tháo dỡ gạch nền cũ, lát lại bằng gạch ceramic chống trượt 300x300mm; tháo dỡ gạch ốp tường cũ, ốp lại gạch 300x600mm cao 1,8m; thay hệ thống cửa bằng cửa nhôm kính 5ly; thay mới đà trần thép hộp, đóng trần tôn lạnh mạ màu 3zem; làm lại hệ thống điện, cấp nước và đường ống thoát nước.

6. Tổng mức đầu tư của dự án: 8.450.000.000 đồng (*Tám tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	7.288.972.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án	217.476.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	624.811.000	đồng
- Chí phí khác	118.950.000	đồng
- Chí phí dự phòng	199.791.000	đồng

7. Nguồn vốn: Vốn WB hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

8. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án.

9. Thời gian thực hiện: Năm 2021.

II. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Nội dung chi tiết trong phụ lục đính kèm.

Điều 2. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban ngành liên quan, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Gia Lai, Chủ tịch UBND các huyện: **Chư Prông, Kbang, Ia Grai, Đức Cơ, Đak Pơ, thị xã An Khê** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- SXD (đb);
- Lưu VT,ĐT- TĐ&GSĐT, ĐTVân.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đinh Hữu Hòa

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Công trình: Xây mới và cải tạo công trình cấp nước và vệ sinh trường học - Chương trình “Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” năm 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHĐT ngày tháng 8 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (ngàn đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Tư vấn Quản lý dự án	217.476	Vốn WB hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương	Chỉ định thầu		Quý 3 năm 2021	Trọn gói	Từ khi phê duyệt KHLCNT đến khi bàn giao công trình đưa vào sử dụng
2	Tư vấn Lập HSMT và Đánh giá HSDT gói thầu xây lắp	31.488		Chỉ định thầu		Quý 3 năm 2021	Trọn gói	Lập HSMT: 10 ngày; Đánh giá HSDT: 25 ngày;
3	Tư vấn Thẩm định HSMT và Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp	7.289		Chỉ định thầu		Quý 3 năm 2021	Trọn gói	Thẩm định HSMT: 10 ngày; Thẩm định KQLCNT: 10 ngày;
4	Tư vấn giám sát kỹ thuật thi công xây dựng	239.443		Chỉ định thầu		Quý 3 năm 2021	Trọn gói	Theo tiến độ thi công công trình
5	Xây dựng công trình	7.288.972		Đấu thầu rộng rãi, qua mạng	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý 3 năm 2021	Trọn gói	180 ngày
TỔNG		7.787.668						